

CÔNG TY CỔ PHẦN RICE GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN RICE GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RICE GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RICE GROUP ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108372839

3. Ngày thành lập: 24/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Shophouse A3 SO-11A khu Vincom Gardenia, phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 62.59.1995

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
5.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
6.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...).	9610
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
8.	In ấn	1811
9.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
10.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
15.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
16.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
20.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
21.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
22.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
23.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
25.	Tái chế phế liệu	3830
26.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
27.	Phá dỡ	4311
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
34.	Xây dựng nhà các loại	4100
35.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: đại lý, môi giới (không bao gồm đấu giá).	4610
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
40.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý vé máy bay.	5229
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
45.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
47.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.	4932
53.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
54.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
58.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4541

59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4530
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4543
61.	Bán buôn gạo	4631
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719(Chính)
63.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
64.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
65.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
66.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
67.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VÕ NHẬT LINH	Khối 15, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.400	3.240.000.000	36,000	187406823	
			Tổng số	32.400	3.240.000.000	36,000		

2	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Xóm 3 thôn Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.700	2.970.000.000	33,000	012936132	
			Tổng số	29.700	2.970.000.000	33,000		
3	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	TT Viễn thông, tổ 37, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	27.900	2.790.000.000	31,000	042170000016	
			Cổ phần phổ thông	27.900	2.790.000.000	31,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VÕ NHẬT LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 29/09/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187406823

Ngày cấp: 28/06/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 15, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khối 15, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội